

Bản án số: 234/2025/HS-PT

Ngày: 14 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 143/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 612/2024/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc T; giới tính: Nữ; sinh ngày: 07/01/1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 18, đường số B, Khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: nhà trọ thuộc số F, đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: tự do; con ông Phạm Quốc T1 (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1962; bị cáo có chồng là Nguyễn Long K (đã ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 2010, hiện đang sống cùng Nguyễn Long K; bị cáo sống chung như vợ chồng với Thạch Văn T2 và có 01 con chung, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Thạch Văn T2 và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2023, Phòng C, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, Đội Cảnh sát kinh tế, Đội Cảnh sát môi trường Công an thành phố T và Phòng K1 - Công an Thành phố H thực hiện kiểm tra địa điểm có liên quan đến vi phạm về môi trường theo Quyết định kiểm tra hành chính số 103/QĐ-KTĐĐ của Phòng Cảnh sát Môi trường tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 99 (TL B) đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T; kết quả kiểm tra và khám nghiệm hiện trường đối với địa điểm này xác định có 03 khu vực chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn, gồm:

- Bãi số 1: Khu đất phía bên trái cổng vào có diện tích 542.5 m² (31m x 17,5m); đào bới hố có kích thước (2,5 x 3,8 x 2,5)m có lớp chất thải sâu 1,6m thấy có chất thải xây dựng nhiều loại và chất thải rắn trong sinh hoạt, phế liệu...

- B: Khu đất phía bên phải cổng vào có diện tích 846 m² (30m x 28,2m); đào bới 02 hố có kích thước (2,7 x 3 x 1,6)m và (1,6 x 3,1 x 1,9)m thấy có nhiều chất thải xây dựng và chất thải rắn trong sinh hoạt...

- Bãi số 3: Khu đất cặp mé sông có diện tích khoảng 1.013,6 m² (43,5m x 23,3m); đào bới hố có kích thước (3,3 x 2,8 x 3,1)m có lớp đất mặt 0,4m, lớp chất thải xây dựng 2,2m, lớp đất dưới cùng sâu 0,5m có nhiều loại chất thải xây dựng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trưng cầu giám định loại chất thải tại khu vực vi phạm, kết luận giám định chất thải như sau: 04 (bốn) mẫu chất thải thu tại Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 99 (TL 2003), địa chỉ: Đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, là chất thải rắn thông thường có tổng khối lượng là 9.145.400 kilôgam.

Số chất thải trên có nguồn gốc từ các công trình xây dựng trên đường P và N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, người quản lý, sử dụng bãi đất chứa số lượng chất thải nêu trên là Thạch Văn T2. Xác định hành vi nêu trên có dấu hiệu hình sự, nên ngày 22/6/2023, Phòng C đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/QĐ-CSMT-Đ3 và chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phòng C1 để điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra, lấy lời khai:

1. Lời khai ban đầu khi bị phát hiện vi phạm Thạch Văn T2 khai: Thiên cùng vợ là Phạm Ngọc T (em họ của Phạm Quốc A) về sống tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 99 (TL 2003) từ tháng 01/2022 để trông coi khu đất cho Phạm Quốc A (tên khác T3) và kiếm tiền, hưởng lợi từ thu lượm phế liệu của các xe chở chất thải về

đổ tại khu vực này. Hàng ngày, có 03 xe ô tô tải thường xuyên chở chất thải rắn xây dựng từ dự án Vinhomes G về thửa đất và được T2 chỉ vị trí đổ, sau đó dùng cuốc, xẻng, tay và xe Kobel để san phẳng chất thải ra cho đều. Toàn bộ việc đổ chất thải chôn lấp xuống thửa đất Phạm Quốc A đều biết rõ vì từ khi T2 về sinh sống thì A đã chỉ đạo T2 phải tiếp nhận, chỉ vị trí cho các xe chở chất thải tới đổ và san ủi chất thải ra nền đất cho bằng phẳng.

Tuy nhiên, sau đó tại Cơ quan điều tra, Thạch Văn T2 lại khai nhận: Do không có nhà nên khoảng cuối năm 2021, vợ chồng Thạch Văn T2, Phạm Ngọc T đã ở tại nhà tiền chế (chòi vịt) thuộc thửa đất nêu trên để phụ bán quán ăn cho Phạm Quốc A mở bán kế bên thửa đất 31, tờ bản đồ 99, địa chỉ đường số C, khu phố P, phường L, thửa đất này thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn T4 (tên thường gọi ông T4), do vợ chồng T2 khó khăn nên Phạm Quốc A xin ông T4 cho phép vợ chồng T2 cư trú tại đây để trông coi đất, khi chòi sập, vợ chồng Thiên dựng lại bằng nhà tiền chế ở tại đây, ông T4 có nói khi nào chính quyền yêu cầu tháo dỡ thì T2 phải thực hiện. Quá trình phụ quán ăn cho A, T2 thấy có nhiều tài xế xe ô tô tải chở rác thải xả bừa vào quán ăn và nghỉ ngơi, nên liên hệ các tài xế này xin đổ rác thải xả bừa của công trình xuống thửa đất 31 để vợ chồng T2 phân loại chất thải, thu lượm phế liệu kiếm thu nhập, một số tài xế chấp thuận nên có đưa xe đến đổ rác thải tại đây, lâu lâu sau khi bán được phế liệu có tiền thì T2 đưa cho các tài xế khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng để uống cà phê. Rác thải không còn phế liệu, T2 dùng xe Kobe san bằng hoặc đào hố chôn lấp rải rác nhiều nơi tại thửa đất. Thiên không xin cấp phép hoạt động tập kết, xử lý chất thải với cơ quan chức năng; trong thời gian phân loại rác thải thu gom phế liệu, cơ quan chức năng cũng không tiến hành kiểm tra, xử phạt vi phạm về môi trường đối với T2 tại thửa đất nêu trên, T2 không có mối quan hệ hay chung chi tiền cho cán bộ quản lý thuộc chính quyền địa phương. Phế liệu phân loại được T2 và T bán lại cho Cao Hồng S (người mua phế liệu, không có thông tin lai lịch), S mang xe đến bãi đất để mua, chở phế liệu hoặc có khi Thiên tự thuê xe chở giao cho S, tiền bán phế liệu được trả bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của T. Tiền bán phế liệu hưởng lợi sau khi trích một phần cho các tài xế, phần còn lại T2 và T sử dụng chi tiêu sinh hoạt cá nhân.

Đối với các tài xế chở rác thải rắn vào khu đất: các tài xế tên T8, Đ, B (không rõ lai lịch), điều khiển các xe tải được độ chế thùng, có biển kiểm soát: 50H-01631, 50H-10415, 50H-20705...ngoài ra còn vài xe và tài xế khác nhưng T2 không nhớ được biển số, tài xế. T2 cũng không thỏa thuận với tài xế về chi trả tiền công vận chuyển gì với tài xế, cũng không ghi chép tài liệu số lượng xe rác thải chuyển đến.

Đối với Phạm Quốc A, T2 xác nhận A không chỉ đạo, giao quyền quản lý khai thác phế liệu cho T2, không hưởng lợi từ việc bán phế liệu; các tài xế đều liên hệ với T2, người bán phế liệu cũng do T2 liên hệ trao đổi và nhận tiền.

2. Phạm Ngọc T khai: T chung sống như vợ chồng với Thạch Văn T2 nhưng không đăng ký kết hôn, có một con chung 06 tuổi. Thiên và T sinh sống tại thửa đất số 31, đường số C, phường L, từ đầu năm 2022 đến tháng 6/2023, không đăng ký tạm trú, lưu trú tại địa phương. Trước đó, T phụ bán quán ăn cho T3 (Phạm Quốc A) ở liền kề bãi đất thuộc đường số C từ trước đó, khi dịch covid thì nghỉ bán. Đầu năm 2022, dựng chòi (nhà tiền chế) ở bãi đất thuộc đường số C, cùng T2 khai thác phân loại phế liệu do các tài xế xe chở đến bán để kiếm tiền trang trải sinh hoạt gia đình. Thiên là lao động chính, T phụ giúp T2 và chăm sóc con, không trao đổi trực tiếp với tài xế và mua bán phế liệu với S. Khi T2 yêu cầu T chuyển khoản cho ai, bao nhiêu tiền thì người nhận tiền sẽ gặp T cung cấp số tài khoản để T chuyển cho họ. T xác nhận tháng 9/2022, T2 có yêu cầu T chuyển số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản Ngô Quang V để thanh toán xe Kobel mua của V, xe này dùng đào đất, khai thác phế liệu tại thửa đất nêu trên, đến giữa năm 2023 thì đã bán xe này; về tiền bán phế liệu, T có nhận được từ tài khoản của Cao Hồng S (người mua phế liệu) có tổng số tiền 671.550.000 đồng, ngoài ra còn nhận bằng tiền mặt, nhưng do không lập sổ ghi chép nên không nhớ số tiền cụ thể.

Đối với Phạm Quốc A, T không thấy Phạm Quốc A (Thép) chỉ đạo, giao quyền quản lý khai thác phế liệu cho T2, không được chia tiền hưởng lợi từ việc bán phế liệu.

3. Ông Võ Văn T4 khai: Thửa đất số 31, tờ bản đồ 99 (TL2003) tại đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T do nhiều cá nhân được cấp quyền sử dụng, gồm: ông Võ Văn T4, bà Huỳnh Thị D, ông Trần Văn X (đã chết), ông Nguyễn Văn T5 (đã chết). Trong đó, ông T5 được cấp quyền sử dụng diện tích đất lớn nhất (1828m²), gồm: thửa đất số 529, tờ bản đồ 99 (được thành lập từ một phần thửa 31, tờ bản đồ 99) và thửa đất số 535 tờ bản đồ 100 (được thành lập từ một phần thửa 1 tờ bản đồ 100). Toàn bộ diện tích đất của ông T5 có mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước còn lại, được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA941609 ngày 02/3/2021 (thay thế cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T217397 của U cấp ngày 21/10/2002), được gia hạn đến năm 2072. Ông T5 biết Thạch Văn T2 và T cất nhà tạm và cư trú tại thửa đất nêu trên do khó khăn về nơi cư trú; ông T5 không yêu cầu, không có bất kỳ thỏa thuận nào với A về việc san lấp mặt bằng, chôn chất thải tại diện tích đất này; khi T2 và T cho các xe chở chất thải đến đổ tại khu vực này, được bà con cư dân xung quanh phản ánh nên ông T5 đến kiểm tra thì phát hiện A sử dụng phần diện tích đất này nhằm chôn lấp chất thải (xà bần) và

dựng hàng rào bằng tole bao quanh toàn bộ khu đất nên ông T5 không vào bên trong khu đất để xem trực tiếp vì hướng đất ông Tư sở H nằm phía bên trong. Sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện sai phạm, T2 và T đã dỡ bỏ nhà tiền chế và dọn đi nơi khác cư trú.

4. Phạm Quốc A khai: A không được cá nhân nào giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 31, đường số C, phường L, thành phố T. A biết ông Võ Văn T4 là người có quyền sử dụng đất do ông T4 ở đó lâu đời, có nhiều đất, do trước đây A bán quán ăn kế thừa đất này khi vợ chồng T2 - T đến giúp việc khó khăn chỗ ở, nên A có liên hệ xin ông T4 cho T2 và T ở nhờ chòi để trồng trên đất, được ông T4 đồng ý nên T2 và T sinh sống tại đây. Việc vợ chồng T2 - T nhận chất thải từ các tài xế chở đến, trả tiền cho tài xế, khai thác phế liệu bán để hưởng lợi thế nào A không được biết, cũng không tham gia hoặc thỏa thuận với bất cứ ai. Sau khi, A không kinh doanh quán ăn ở gần khu vực đó, dọn đi nơi khác thì không biết việc kinh doanh, sinh sống của T2 và T.

5. Đậu Văn Đ, lái xe Công ty H3, khai: Đ làm quản lý nhân công bộ phận đào đất và lái xe tại Công ty H3 từ năm 2020 đến nay. Đối với hạng mục đào đất, Công ty H3 chỉ thực hiện thi công đào, còn phần xử lý đất đào lên do Công ty V2 xử lý. Đối với việc lái xe, Nguyễn Hải T6 - Giám đốc Công ty H3 giao Đậu Văn Đ điều khiển xe biển số 50H- 207.05 từ đầu năm 2023 đến nay. Việc giao điều khiển xe không có văn bản nào ghi nhận, giao kết bằng lời nói; ngoài Đ thì không có nhân viên khác điều khiển xe này, Đ cũng không điều khiển xe khác. Khi ra khỏi công trường, tham gia giao thông, chỉ có Đ điều khiển xe này. Mục đích sử dụng để vận chuyển xà bần, chất thải trong công trường thuộc dự án Vinhomes G, đường N, phường L, thành phố T đến bãi tập kết của nhà thầu là Công ty D1 trong phạm vi công trường. Ngoài ra, xe này còn chở dầu (mua từ các cây xăng dầu) để tiếp nhiên liệu cho các máy móc thiết bị khác trong công trường hoặc chở phế liệu đi bán cho Thạch Văn T2.

Công ty H3 có hợp đồng xử lý chất thải xây dựng với Công ty D1 - V nên Công ty H3 được chở chất thải ra khỏi công trường. Công ty H3 đã có các hợp đồng với nhà thầu phụ. Trách nhiệm của Đ đối với việc này là khi có xà bần, chất thải xây dựng phát sinh, Đ báo bộ phận kế toán cho họ liên hệ với công ty X1 đã ký kết hợp đồng, để công ty xử lý chất thải điều xe đến vận chuyển đi xử lý. Khi xe của công ty đối tác báo với bảo vệ khu V cho xe vào công trường, sau đó liên hệ với Đ qua điện thoại để thông báo đến chở xà bần, chất thải, Đ đưa họ đến điểm tập kết chất thải để nhận chất thải vận chuyển đi xử lý.

Thực tế việc phân loại rác tại nguồn do Công ty H3 thực hiện, thường thuê lao động công nhật thời vụ ở ngoài vào làm, không thuộc nhân công của công ty.

Phân loại chất thải nguy hại để riêng, Công ty D1 ký hợp đồng riêng với Công ty T9, Công ty T9 đến thu gom, vận chuyển, xử lý. Công ty H3 chỉ xử lý chất thải xây dựng thông thường.

Quá trình phân loại chất thải thông thường, có loại phế liệu tận dụng bán được gồm mảnh vụn gỗ làm củi, sắt vụn, kẽm vụn, bao bì giấy, nhựa; thay vì lộ trình phải di chuyển xe chở rác đến Công ty xử lý thì Đ chở đến bán cho T2. Do thời gian đã lâu, Đ không xác định được khối lượng và số lượt xe chở chất thải có chứa phế liệu đến giao cho Thạch Văn T2, chỉ nhớ từ đầu năm 2023, không xác định được mốc thời gian chính xác vì không có sổ sách theo dõi, lưu lại. Mỗi tuần lâu lâu được T2 cho từ 700.000 đồng - 1.000.000 đồng để dùng chi tiêu ăn uống, sinh hoạt cá nhân.

Ngoài ra, Đ còn biết có tài xế tên T8, B cũng chở phế liệu ra bán cho T2, nhưng T8 đã nghỉ việc từ khoảng tháng 4/2023, B nghỉ việc trước T8, vào khoảng tháng 3/2023. Đ không rõ thông tin nhân thân, lai lịch của T8, B sau khi nghỉ việc. Không có lãnh đạo nào trong Công ty H3 chỉ đạo các tài xế Đ, T8, B thực hiện việc giao chất thải rắn đến Thiên; mà việc này Đ và các tài xế tự thực hiện, do thấy rác thải có chứa nhiều phế liệu bán ve chai được, nên khi T2 đặt vấn đề đưa rác thải đến khu đất của T2 ở để phân loại thu gom ve chai và được T2 cho tiền nên Đ, T8, B cùng nhận và sử dụng chung trong anh em tài xế ăn uống, sinh hoạt thêm; T8 thường điều khiển xe biển số 50H- 016.31, B điều khiển xe có biển số 50H- 104.15 (không có lai lịch) đã nghỉ việc từ trước khi vụ việc bị phát hiện.

Ngô Quang V (người bán xe Kobel), khai: V quen biết Phạm Quốc A từ nhiều năm trước do cùng làm tài xế. Thời điểm tháng 5/2023, V làm tài xế lái xe ô tô tải thuê cho Phạm Quốc A ở khu D, thành phố T. V không tham gia chở chất thải đổ tại bãi đất đường số C, không biết cụ thể việc đổ thải, chôn lấp chất thải, khai thác phế liệu giữa T2, T, A với các tài xế khác như thế nào. Do có nhu cầu bán xe, nên V bán xe Kobel cho T2, việc T2 sử dụng vào mục đích gì thì V không biết, tiền bán xe nhận được qua tài khoản, ngoài ra không còn quan hệ hay giao dịch gì khác.

Kết quả xác minh tại:

- Sở T thể hiện thửa đất số 31, tờ bản đồ số 99 (TL 2003), Đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn T4, bà Nguyễn Thị T7 và ông Nguyễn Văn H1.

- Xác minh tài khoản số 6100205424188 tên Phạm Ngọc T tại ngân hàng A1 thể hiện từ ngày 04/01/2022 đến ngày 08/01/2024, T nhiều lần nhận tổng số tiền từ tài khoản của Cao Hồng S chuyển đến, tổng cộng 671.550.000 đồng; ngày 05/9/2022, T chuyển vào tài khoản của Ngô Quang V số tiền 70.000.000 đồng

(mua xe Kobel), sau đó Ngô Quang V chuyển lại 2.000.000 đồng tiền phí môi giới việc mua bán xe đào đất; số dư cuối trong tài khoản của T tính đến ngày 08/01/2024 là 160.979 đồng.

- Công ty TNHH H3 do Nguyễn Hải T6 làm Giám đốc, khai: Đâu Văn Đ quản lý bộ phận đào đất tại Công ty H3, công ty không có hợp đồng làm việc với Đ, có giao xe biển số 50H- 207.05 cho tài xế Đ từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 4/2023 thì nghỉ, vì công ty đã hoàn thành hợp đồng, không phát sinh khối lượng công việc khác; việc giao xe không có văn bản, tài liệu thể hiện, giao kết bằng miệng, không xác định chính xác thời gian cụ thể. Mục đích giao Đ điều khiển xe biển số 50H-207.05 để vận chuyển trong công trường hoặc mua dầu phục vụ các thiết bị máy móc khác hoạt động tại công trường thuộc khu phường L, thành phố T. T6 không biết việc Đ và các tài xế khác tách đoàn xe chở phế liệu, chất thải thông thường không chở giao cho Công ty xử lý mà đổ tại bãi đất thuộc đường số C, phường L cho T2. Công ty H3 không biết, cũng không ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận có mối quan hệ giao kết xử lý rác với Thạch Văn T2.

- Công ty P (Công ty P) do Võ Thanh S1 làm Giám đốc đại diện theo pháp luật; có ông Trần Quốc H2 đại diện Công ty P xác định Công ty là chủ đầu tư dự án Masteri C, thuộc khu dân cư V, địa chỉ tại đường P, phường L, thành phố T. Để thực hiện dự án, Công ty M1 thuê 02 nhà thầu thi công gồm: Công ty cổ phần X2 (Lô B) và Công ty cổ phần D1-V, trách nhiệm của nhà thầu thi công phải đảm bảo xử lý chất thải và công tác đào đất; phải dọn sạch; loại bỏ bất kỳ mảnh vỡ, rác thải; nước thải và các loại chất thải theo quy định pháp luật.

- Công ty X2 (Công ty X2), Công ty cổ phần D1-V (Công ty D1) là 02 nhà thầu thi công đã ký hợp đồng chỉ định nhà thầu phụ liên quan đến xử lý rác thải đối với dự án nêu trên, cụ thể:

+ Công ty X2 ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ xử lý chất thải xây dựng, chất thải nguy hại với Công ty CP T10 (Công ty T10); Công ty T10 ký hợp đồng kinh tế xử lý chất thải nguy hại công nghiệp với Công ty TNHH M2 có trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải và lưu giữ, xử lý tại nhà máy thuộc Khu phố A, phường C, Thị xã B, tỉnh Bình Dương. Theo các thỏa thuận tại hợp đồng thì Công ty X2 chỉ quản lý việc các xe ra vào công trường, còn việc xe chở chất thải đến địa điểm xử lý rác do Công ty T10, Sen V1 thực hiện.

+ Công ty D1-V ký hợp đồng thuê Công ty TNHH H3 (Công ty H3) thu gom, vận chuyển xử lý chất thải trong xây dựng liên quan đến dự án Masteri C. Công ty D1 và Công ty H3 cùng tiến hành phân loại chất thải tại dự án, trong đó xà bần (bao gồm cát, xi măng, gạch, đá) sẽ phân loại riêng, chất thải là gỗ, ván được phân loại riêng, chất thải là giấy, ni lon được phân loại riêng. Về phương thức vận

chuyển, Công ty H3 sẽ điều phương tiện đến vận chuyển về nơi xử lý. Khối lượng chất thải trong xây dựng mà Công ty D1 đã bàn giao cho Công ty H3 xử lý liên quan đến dự án trên từ ngày 12/01/2021 đến tháng 05/2023 khoảng trên 10.000 khối. Các phương tiện mà Công ty H3 đã vận chuyển, bao gồm 10 xe, trong đó có các xe có biển số 50H- 207.05 do Đậu Văn Đ là tài xế từ khoảng tháng 02/2023 đến nay; xe biển số 50H-016.31 do Đinh Thanh T8 là tài xế lái xe khoảng từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2023. Theo quy trình, các xe này từ tháng 02/2023 đến tháng 5/2023 vận chuyển chất thải từ công trình khu M đến nhà máy xử lý chất thải thuộc công ty T9 tại L, Đồng Nai.

Việc thu gom, xử lý từ đơn vị nguồn đến đơn vị xử lý rác thải đầu cuối đều có hợp đồng, thanh toán qua tài khoản; tuy nhiên việc quản lý xe vận chuyển rác thải ra khỏi công trình đến địa điểm xử lý đầu cuối chưa chặt chẽ, dẫn đến một số tài xế sau khi nhận được rác thải đã không giao đến điểm đầu cuối xử lý mà giao đến địa điểm của Thạch Văn T2 phân loại.

Xác minh việc quản lý tại địa phương:

Tại hiện trường nơi xảy ra ô nhiễm môi trường, phát hiện có việc dùng xà bần, rác thải đổ xuống sông, cửa sông, rạch nhằm lấn chiếm san bằng khu vực, nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố T cung cấp, xác định sơ đồ bản vẽ ranh, mốc địa giới bờ bãi, công trình thủy lợi tại vị trí thửa đất 31, tờ bản đồ 99, (TL2003), đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T và kiểm tra đo đạc, ranh, mốc địa giới bờ bãi, công trình thủy lợi, việc đổ thải với khối lượng 9.145.400 kilôgam đã làm thay đổi hiện trạng địa giới bờ bãi như thế nào.

Ngày 29/7/2024, Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản số 6967/UBND-TNMT trả lời kết quả, xác định như sau:

+ Vị trí chôn lấp chất thải rắn thông thường thuộc một phần thửa đất 31, tờ 99 tài liệu 2003, không nằm trong danh sách báo cáo đất công hàng năm do Ủy ban nhân dân phường L trực tiếp quản lý. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường L không thực hiện xây dựng bản đồ vẽ ranh, mốc địa giới bờ bãi, công trình thủy lợi.

+ Ủy ban nhân dân phường L đã thuê Công ty TNHH H3 xây dựng bản đồ hiện trạng tại vị trí xảy ra vụ án trên nền tài liệu Bản đồ địa chính năm 2003, kết quả: Hiện trạng không có sự thay đổi so với ranh tài liệu Bản đồ địa chính năm 2003 (bản vẽ hiện trạng ngày 15/7/2024).

+ Ủy ban nhân dân phường L phối hợp cùng Phòng Tài nguyên môi trường thành phố T tiến hành làm việc với đại diện ban điều hành khu phố P lấy ý kiến một số hộ dân sinh sống liền kề khu đất, kết quả đánh giá: hiện trạng khu đất xảy ra vụ án là đất trống, một mặt giáp sông Đ, xung quanh giáp rạch nhánh, không có nhà dân sinh sống; thành phần chất thải chôn lấp là chất thải xây dựng (xà bần, bê tông, vụn đất đá) nên không có phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Đối với trách nhiệm quản lý lĩnh vực địa chính, thủy lợi, tài nguyên môi trường, đô thị của cán bộ trực tiếp quản lý và lãnh đạo được phân công phụ trách: sau khi có kết quả điều tra làm rõ các dấu hiệu tiêu cực trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến vụ án, Ủy ban nhân dân thành phố T sẽ xem xét trách nhiệm và xử lý các cá nhân nếu có sai phạm theo quy định.

+ Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L chưa ghi nhận Thạch Văn T2 bị xử lý về hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

- Vật chứng vụ án: Không có

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 612/2024/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 03 (ba) năm tù, về tội “*Gây ô nhiễm môi trường.*” Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Thạch Văn T2; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2024 bị cáo Phạm Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già, con nhỏ; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, với vai trò đồng phạm thứ yếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Mức hình phạt mà Tòa án cấp

sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Phạm Ngọc T là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng đầu năm 2022, do đời sống gia đình khó khăn, không có nhà ở nên Thạch Văn T2 và Phạm Ngọc T đã dựng nhà tiền chế (chòi) trái phép ở thửa đất số 31, tờ bản đồ số 99 (TL 2003), đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T mà ông T6 được cấp quyền sử dụng diện tích đất lớn nhất (1828m²), gồm: thửa đất số 529, tờ bản đồ 99 (được thành lập từ một phần thửa 31, tờ bản đồ 99) và thửa đất số 535 tờ bản đồ 100 (được thành lập từ một phần thửa 1 tờ bản đồ 100), toàn bộ diện tích đất này trong đó có phần đất của ông Võ Văn T4 được cấp với mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước còn lại và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA941609 ngày 02/3/2021 (thay thế cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T217397 của U cấp ngày 21/10/2002), được gia hạn sử dụng đất đến năm 2072, để sinh sống và quá trình sống bất hợp pháp trên đất ông T4, thì ông T4 không yêu cầu, không có bất kỳ thỏa thuận nào với ông T4 và Phạm Quốc A về việc san lấp mặt bằng, chôn chất thải tại diện tích đất này. Quá trình cư trú T2 và T đã mua, tiếp nhận, tập kết chất thải rắn thông thường để khai thác phế liệu để thu lợi nhuận sinh sống, sau đó thực hiện chôn, lấp chất thải tại thửa đất nêu trên mà không đăng ký xin cấp phép tập kết chất thải, xử lý chất thải với cơ quan chức năng. Các loại phế liệu sau khi tập kết thì được T2 và T phân loại, rồi bán lại cho Cao Hồng S (người mua phế liệu, không có thông tin lai lịch), tiền bán phế liệu được trả bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của T và được sử dụng khi trích một phần cho các tài xế, phần còn lại T2 và T sử dụng chi tiêu sinh hoạt cá nhân.

Trên cơ sở kết luận giám định về môi trường, cũng như các tài liệu chứng cứ đã thu thập được xác định tổng khối lượng chất thải rắn thông thường mà các bị cáo T2 và T đã khai thác, chôn lấp tại địa điểm trên là 9.145.400 kilôgam.

Ủy ban nhân dân phường L phối hợp cùng Phòng Tài nguyên môi trường thành phố T tiến hành làm việc với đại diện ban điều hành khu phố P lấy ý kiến một số hộ dân sinh sống liền kề khu đất, kết quả đánh giá: hiện trạng khu đất xảy ra vụ án là đất trống, một mặt giáp sông Đ, xung quanh giáp rạch nhánh, không có nhà dân sinh sống; thành phần chất thải chôn lấp là chất thải xây dựng (xà bần, bê tông, vụn đất đá) nên không có phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Thạch Văn T2, Phạm Ngọc T phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, gây nguy hại đến môi trường sống tại khu vực thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước về tài nguyên, môi trường, đô thị và ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án này Thạch Văn T2 là chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chỉ là người giúp sức với vai trò thứ yếu; chất thải mà các bị cáo chôn lấp không phải là chất độc hại, không gây ô nhiễm môi trường. Hơn nữa, hiện nay bị cáo T đang nuôi con nhỏ sinh năm 2017 (con chung với bị cáo T2); bị cáo có nhân thân tốt, bị nhiễm HIV; phạm tội lần đầu, quá trình giải quyết vụ án thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là 03 năm tù, là đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Ngọc T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 612/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”;

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T** 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích quy định về án treo)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp TP.HCM;
- BCTN;
- UBND phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, TP.HCM;
- Lưu (10) 20b (Án TPQ).

Nguyễn Đắc Minh

